

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 23 - 02 - 2021

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST-DS ngày 27/10/2020 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-DS ngày 07/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 27/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị C , sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh A .

2. *Bị đơn:* bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Tuyết M: ông Lê Hoàng Minh, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N , xã B , huyện T , tỉnh A .

(Văn bản ủy quyền số 708, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 03/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: ngày 11/02/2015, bà M có đến nhà bà C để hỏi vay 9,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999). Khi vay, các bên không làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn vay nhưng có thỏa thuận bằng lời nói với lãi suất là 50.000 đồng/chỉ/tháng. Sau khi vay, bà M đóng lãi cho bà C được 04 vụ lúa, với tổng số tiền 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) thì ngưng. Bà C đã nhiều lần yêu cầu bà M đóng lãi và trả vốn nên bà M đã trả được 4,5 chỉ vàng 24k; còn thiếu lại 05 chỉ vàng 24k. Do bà M không trả nữa nên bà C đã gửi đơn đến Công an xã T, huyện T để yêu cầu giải quyết. Ngày 30/11/2018, Công An xã T có mời các bên lên làm việc, bà M thừa nhận còn nợ bà C 5,5 chỉ vàng 24k (trong đó gốc 05 chỉ; lãi 0,5 chỉ) và có hứa sẽ trả thành 04 đợt là đủ 5,5 chỉ vàng 24k, cụ thể: ngày 03/3/2019, bà M sẽ trả 1,5 chỉ vàng 24k; ngày 03/6/2019 trả 1,5 chỉ vàng 24k; ngày 03/9/2019 trả 1,5 chỉ vàng 24k; ngày 03/10/2019, trả 01 chỉ vàng 24k.

Tuy nhiên, bà M không thực hiện đúng cam kết, đến khoảng tháng 7 năm 2019 bà M chỉ trả cho bà C được 01 chỉ vàng 24k (9999), còn thiếu lại 4,5 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả. Thời gian qua, bà C đã nhiều lần yêu cầu bà M trả vàng nhưng bà M không trả mà còn thách thức bà C đi thưa. Nay bà C yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà C một lần đủ 4,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999), không yêu cầu tính lãi.

Tại Tờ tự khai ngày 07/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hoàng M (là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Tuyết M) trình bày: ông thừa nhận ngày 11/02/2015, bà M có đến hỏi vay của bà Lê Thị C 9,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999). Do chỗ họ hàng nên khi vay các bên không làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 50.000 đồng/chỉ/tháng. Sau khi vay, bà M có đóng lãi cho bà C được 04 vụ lúa, với tổng số tiền 7.600.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Sau đó bà M có trả cho bà Be được 4,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999); còn thiếu bà C 05 chỉ vàng 24k (vàng 9999) đúng như bà C trình bày. Do bà M không trả nữa nên bà C gửi đơn đến Công an xã T, huyện T để yêu cầu giải quyết. Tại Công An xã T, bà M thừa nhận còn nợ bà C 5,5 chỉ vàng 24k (trong đó gốc 05 chỉ; lãi 0,5 chỉ) và hứa sẽ trả cho bà C thành 04 đợt đúng như lời trình bày của bà Lê Thị C. Do hoàn cảnh khó khăn, bà M không trả đúng theo cam kết mà đến khoảng tháng 7 năm 2019 bà M chỉ trả được 01 chỉ vàng 24k, nên còn thiếu lại 4,5 chỉ vàng 24k (9999).

Nay bà C yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà C 4,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999), không yêu cầu tính lãi thì người đại diện theo ủy quyền của bà M thừa nhận bà M còn nợ bà C 4,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999). Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế bà M gặp khó khăn không có khả năng trả một lần đủ 4,5 chỉ vàng 24k, nên yêu cầu bà C giảm 1,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999); còn lại 03 chỉ vàng 24k (vàng 9999) bà M sẽ trả dần trong 03 vụ lúa cho bà C đến khi hết nợ. Bà M không tranh chấp về lãi suất đã đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Hoàng Minh (là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Tuyết M) đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông M đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[3] Về nội dung: bà Lê Thị C yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà C 4,5 chỉ vàng 24 kara (9999), không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thấy rằng: vào năm 2015, bà M có vay của bà C 9,5 chỉ vàng 24k (9999), sau đó bà M đã trả được 4,5 chỉ vàng 24k và đóng lãi được 7.600.000 đồng thì ngưng. Do vậy, bà C gửi đơn yêu cầu Công an xã T, huyện T giải quyết thì bà M thừa nhận còn thiếu bà C 5,5 chỉ vàng 24k (trong đó gồm: gốc 05 chỉ vàng 24k; tiền lãi là 0,5 chỉ vàng 24k).

Theo biên bản hòa giải ngày 30/11/2018 lập tại Công an xã T, huyện T, tỉnh A có đoạn ghi: “Ý kiến của bà Trần Thị Tuyết M: tôi cam kết sẽ trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn tôi sẽ chia làm 04 đợt trả:

- Vào ngày 03/3/2019 tôi sẽ trả lần đầu 1,5 chỉ vàng (24k);
- Vào ngày 03/6/2019 trả tiếp theo là 1,5 chỉ vàng (24k);
- Vào ngày 03/9/2019 trả lần tiếp theo 1,5 chỉ vàng (24k);
- Ngày 03/10/2019 trả lần cuối 01 chỉ vàng (24k)....”.

Tuy nhiên, khoảng tháng 7 năm 2019, bà M chỉ trả được 01 chỉ vàng 24k; còn lại 4,5 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả cho bà C.

[5] Xét số lượng vàng cho vay: tại tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày ngày 07/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Tuyết M là ông Lê Hoàng Minh thừa nhận bà M còn nợ bà C 4,5 chỉ vàng 24k (9999) đúng như lời trình bày của bà C. Do hoàn cảnh kinh tế của bà M gặp khó khăn, không có khả năng trả một lần đủ 4,5 chỉ vàng 24k nên bà M yêu cầu bà C giảm 1,5 chỉ vàng 24k, đồng ý trả dần 03 chỉ vàng 24k (9999) trong 03 vụ lúa.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 30/11/2018 lập tại Công an xã T, huyện T, tỉnh A, bị đơn bà M thừa nhận còn thiếu bà C 5,5 chỉ vàng 24k và cam kết trả dần theo 04 đợt, đợt cuối ngày

03/10/2019 là trả hết nợ. Tuy nhiên, khoảng tháng 7 năm 2019, bà M chỉ trả được 01 chỉ vàng 24k; còn lại 4,5 chỉ vàng 24k. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị C và bà Trần Thị Tuyết M thực tế có xảy ra, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Bị đơn bà M yêu cầu giảm 1,5 chỉ vàng 24k, còn lại 03 chỉ vàng 24k (9999) xin trả dần trong 03 vụ lúa nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C khởi kiện yêu cầu trả 4,5 chỉ vàng 24k (9999) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C 4,5 chỉ vàng 24k (loại 9999).

[7] Về lãi suất: nguyên đơn bà C không yêu cầu tính lãi; bị đơn bà M không tranh chấp về lãi suất đã đóng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: $(5.582.000 \text{ đồng/chỉ} \times 4,5 \text{ chỉ vàng 24k}) \times 5\%$ mức án phí dân sự có giá ngạch = 1.255.950 đồng. Bà Lê Thị C không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C .

Buộc bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C 4,5 chỉ vàng 24k (9999).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu 1.255.950 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Lê Thị C không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 588.566 đồng (năm trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007967, ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thanh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn H